TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 01 – 2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp " *Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, Hện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn S, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ cú trú: Ấp N, xã T, Hện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Nguyễn Kim T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S kết hôn năm 2013, nhưng đến ngày 15/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì sống ly thân đến nay do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh S ghen và hăm dọa chị. Gia

đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung là Võ Quốc H, sinh ngày 28/6/2013, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh S không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh S biết về việc chị T yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nhưng anh S không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập anh S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị T và anh S được. Tòa án triệu tập anh S tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nguyễn Kim T và anh Võ Văn S là "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân*: Chị T và anh S kết hôn năm 2013, nhưng đến ngày 15/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh S đã có thời gian ly thân kéo dài, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ khi ly thân đến nay, giữa chị T và anh S vẫn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh S không có ý kiến gì đối với việc chị T xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh S có một con chung là Võ Quốc H, sinh ngày 28/6/2013, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu H. Xét thấy, anh S không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu nuôi cháu H; Từ khi ly thân đến nay, cháu H sống với chị T đã ổn định, hơn nữa cháu H còn rất nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị T xác định chị và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung, nợ riêng*: Chị T trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Võ Văn S.

Về con chung: Giao cháu Võ Quốc H, sinh ngày 28/6/2013 cho chị Nguyễn Kim T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Võ Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Kim T phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003930 ngày 02.11.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Võ Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Ủy ban nhân dân xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

LÊ THỊ TRÚC HẰNG